TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2022/DS-PT
Ngày: 28-02-2022
V/v tranh chấp thừa kế tài sản, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải.

Ông Hồ Hữu Thắng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang***: Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2021/TLPT-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp thừa kế tài sản, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2021/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị K.
Địa chỉ: Ấp Bình M, xã Bình Th, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.
2. Bị đơn:
2.1. Bà Nguyễn Thị Ph.
2.2. Chị Bùi Thị Ph1.
Cùng địa chỉ: Ấp Trường B, xã Trường L1, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Vũ Kh.
Địa chỉ: Ấp Trường B, xã Trường L1, huyện C, tỉnh Hậu Giang, có mặt.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V
Địa chỉ: Số 02 Láng H, phường Thành C, quận Ba Đ, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Ch – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Aribank chi nhánh huyện C.
3.2. Anh Bùi Văn H1.
Địa chỉ: Ấp Trường B, xã Trường L1, huyện C, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

3.3. Ông Nguyễn Văn S.

Địa chỉ: Ấp Phú Th, xã Phú H2, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

4. Người kháng cáo bà Nguyễn Thị Ph là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị K trình bày: Nguyên cha chị là ông Bùi Văn K1, sinh năm 1957 và mẹ bà là Phan Thị Th1, sinh năm 1962 đã sống chung với nhau từ năm 1977, đến năm 1983 thì không còn tiếp tục chung sống, sau đó cha chị có sống chung với bà Nguyễn Thị Ph và có 01 con chung tên Bùi Thị Ph1. Đến ngày 02/8/2019 thì cha chị chết và có để lại phần đất thuộc các thửa 237, 242, 244, 253, 243 có tổng diện tích là 10.942m^2, thuộc tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại Ấp Trường B, xã Trường L1, huyện C, tỉnh Hậu Giang và một căn nhà hiện gia đình bà Ph đang ở. Do cha bà chết không có để lại di chúc nên bà yêu cầu Tòa án xem xét chia phần di sản của cha bà để lại theo quy định pháp luật.

Ngày 24/11/2020 chị Bùi Thị K có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện theo đó đối với căn nhà mà gia đình bà Ph đang sử dụng và phần đất đã chuyển nhượng cho ông Bùi Văn H3 chị không yêu cầu phân chia. Phần còn lại chị yêu cầu chia theo quy định pháp luật và có yêu cầu được nhận giá trị tương đương với phần tài sản được chia.

Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa đại diện bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Năm 1977, ông K1 có cưới bà Th1 là mẹ ruột bà K nhưng đến năm 1983 khi cha ông K1 là Bùi Ngọc Ch1 chết thì bà Th1 bỏ ông K1 không tiếp tục chung sống, ông K1 có đi tìm nhưng không gặp. Đến năm 1986 thì ông K1 quen và cưới bà Nguyễn Thị Ph, sau đó bà Ph và ông K1 sống chung và có 01 con chung tên Bùi Thị Ph1 cho đến nay. Quá trình chung sống ông K1 được mẹ ruột là bà Trương Thị T1 cho phần đất khoảng hơn 6000m^2 thì bà có nhận chuyển nhượng thêm của ông Ng phần đất là 4545m^2 nhưng để cho ông K1 đứng tên. Trong quá trình chung sống có bán cho ông Bùi Văn H3 phần đất thuộc thửa 244 diện tích 1.222m^2, bán cho ông Bùi Văn H1 phần đất 01 công tầm 3m. Đối với yêu cầu chia tài sản của chị K, bà Ph yêu cầu xác định phần tài sản riêng của bà trong khối tài sản chung là 4.545m^2 phần còn lại là tài sản riêng của ông K1 bà đồng ý chia theo quy định pháp luật. Ngoài ra trong thời gian chung sống ông K1 có nợ ngân hàng tổng cộng là 68.000.000 đồng, nợ ông S số tiền 30.000.000 đồng và 01 cây vàng 24k bà yêu cầu chia theo quy định pháp luật.

Bị đơn chị Bùi Thị Ph1 trình bày thống nhất với ý kiến của ông Kh là đại diện của bà Nguyễn Thị Ph.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V trình bày: Ngày 29/01/2019 ông Bùi Văn K1 và bà Nguyễn Thị Ph có nhận tiền vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V chi nhánh huyện C, tỉnh Hậu Giang

với số tiền 50.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số 05 để dùng vào mục đích phục vụ đời sống, lãi suất vay là 9,5%/năm và thả nổi theo biến động lãi suất của thị trường, thời hạn vay là 12 tháng. Đến ngày 20/01/2020 bà Ph có xin gia hạn nợ gốc thêm 01 năm và được ngân hàng chấp nhận. Do hiện tại giả đình bà Ph đang tranh chấp phân chia di sản thừa kế do ông K1 chết để lại nên phía ngân hàng có yêu cầu độc lập buộc những đồng thừa kế phải trả số nợ trên trong cùng vụ án. Đến ngày 10/5/2021 phía ngân hàng có đơn xin rút yêu cầu độc lập do bà Nguyễn Thị Ph đã tất toán phần nợ với ngân hàng.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt N xác nhận trước đây hộ ông Bùi Văn K1 có vay tại ngân hàng chính sách xã hội với số tiền là 18.000.000đồng. Đến ngày 12/5/2020 thì bà Nguyễn Thị Ph đã trả hết số nợ nêu trên nên Ngân hàng chính sách không có ý kiến và yêu cầu gì trong cùng vụ án này.

Ông Bùi Văn H3 khai: Vào năm 2005 ông có nhận chuyển nhượng của ông K1, bà Ph một phần đất là 01 cái bờ và 01 cái ao gần khoảng 01 công đất thuộc thửa 244 với giá chuyển nhượng là 11 chỉ vàng 24k, khi mua không có giấy tờ gì mà chỉ nói miệng do anh em trong nhà nên tin tưởng. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông quản lý, sử dụng cho đến nay. Nay ông không có yêu cầu gì.

Ông Bùi Văn H1 khai: Vào khoảng tháng 3/2015 thì ông có mua một phần đất của vợ chồng chú tôi là ông Bùi Văn K1, diện tích 01 công tầm 3m, với giá sang nhượng là 65.000.000 đồng, khi sang nhượng có làm giấy tay (hình thức đánh máy) do chú ruột tôi là ông Bùi Văn K1 ký tên, có xác nhận của trưởng ấp Trường B là ông Lê Văn Ng1, sau khi chuyển nhượng thì ông trực tiếp quản lý, sử dụng cho đến nay. Nay phần đất có sự tranh chấp giữa chị K với gia đình bà Ph thì ông có yêu cầu Tòa án xem xét giữ lại số đất đã chuyển nhượng cho ông, việc Tòa án giải thích và yêu cầu ông phải làm đơn yêu cầu và đóng tiền tạm ứng án phí để được Tòa án thụ lý giải quyết thì ông không đồng ý vì hiện tại ông không có tiền để đóng.

Ông Nguyễn Văn S khai: Vào năm 2018 ông có cho bà Ph và ông K1 mượn số tiền 30.000.000 đồng, không có tính lãi, lúc mượn có vợ chồng ông K1 và bà Ph, có làm biên nhận viết tay đề ngày 02/12/2018. Nay gia đình bà Ph có tranh chấp về phần di sản do ông K1 chết để lại nên ông có yêu cầu bà Ph và các đồng thừa kế của ông K1 phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ cho ông. Ngoài ra vào ngày 21/3/2021 ông có nhận cố phần đất là 01 công tầm 3m với giá là 01 cây vàng 24k của bà Nguyễn Thị Ph và có yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2021/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị K về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế do ông Bùi Văn K1 chết để lại. Cụ thể:

Chị Bùi Thị K, chị Bùi Thị Ph1, bà Nguyễn Thị Ph mỗi người chia phần tài sản tương ứng với số tiền là 167.667.000 (Một trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

Giao toàn bộ phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000067 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Th, tỉnh Cần Thơ cũ (nay là huyện C, tỉnh Hậu

Giang) cấp ngày 17/6/1996 có diện tích 10.942m^2 gồm các thửa đất số 237, 242, 243, 244, 253, tòa bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp Trường B, xã Trường Long T3, huyện Châu Th, tỉnh Cần Thơ cũ (nay là Ấp Trường B, xã Trường L1, huyện C, tỉnh Hậu Giang) do ông Bùi Văn K1 đứng tên cho bà Nguyễn Thị Ph được quản lý sử dụng. bà Nguyễn Thị Ph có nghĩa vụ hoàn lại số tiền tương ứng cho chị Bùi Thị K, Bùi Thị Ph1 mỗi người là 167.667.000 đồng.

Buộc chị Bùi Thị Ph1, Bùi Thị K mỗi người phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền 11.333.333 (Mười một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng tương ứng với số nợ mà ông Bùi Văn K1 có trách nhiệm trả.

Tách phần yêu cầu của anh Bùi Văn H1, ông Nguyễn Văn S ra thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu khởi kiện.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V đối với yêu cầu xử lý số nợ trong cùng vụ án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá tài sản án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02 tháng 07 năm 2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Ph kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét: Chấp nhận phần diện tích 1.300m^2 chuyển nhượng cho ông Bùi Văn H1, xem xét trừ phần diện tích nền mộ ngang 2m dài 14m giáp ranh ông Bùi Văn H3, phần diện tích 4545m^2 là tài sản riêng của bà, chấp nhận số nợ 30.000.000đồng nợ ông S, số nợ 27.000.000đồng ông Kh vay để sửa chữa nhà, nợ cồ đất 01 cây vàng 24k để trả nợ cho ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V, chừa ra một phần đất để làm hương quả, thờ cúng, số tiền phúng điếu phải trả về sau, tiền tu bổ sạt lỡ mé sông gần nơi chôn cất ông K1 số tiền 6.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo là ông Trần Vũ Kh trình bày: Bị đơn bà Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Trong phần đất 4545m^2 bà Ph nhận chuyển nhượng của ông Ng có phần đất 1.300m^2 đất đã chuyển nhượng cho ông Bùi Văn H1. Việc nhận chuyển nhượng của ông Ng có tờ khai xác nhận của ông Ng và người cô ruột làm chứng. Trên phần đất tranh chấp có căn nhà của tôi và vợ Bùi Thị Ph1 được cha, mẹ cho 105m^2 đất thổ cư để cất nhà mái ấm công đoàn. Bà Ph yêu cầu mở lối đi vào nhà mộ và nền mộ tổng diện tích 58m^2 để thờ cúng chung. Tại cấp sơ thẩm, chúng tôi không cho thẩm định, đo đạc là vì khi đó chúng tôi cho rằng chưa chứng minh được bà K có phải con của ông K1 không nên không hợp tác. Ông K1 và bà Ph chung sống với nhau khoảng tháng 4 năm 1986.

Nguyên đơn trình bày: Thống nhất trừ phần diện tích lối đi vào nền mộ và diện tích nền mộ là 58m^2 để phục vụ cho việc thờ cúng chung, phần nhà và diện tích nền nhà tôi không yêu cầu chia trong vụ án này. Mẹ tôi là bà Phan Thị Th1 không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn H1 trình bày: Tôi đã nhận chuyển nhượng phần đất 1.300m^2 của ông K1 và bà Ph có xác nhận của trưởng ấp và đã canh tác đất, giữa các phần đất đều có cặm trụ ranh, tôi chưa

được tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị xem xét quyền lợi cho tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giải quyết vụ án theo hướng hủy bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang. Do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như đưa thiếu người tham gia tố tụng, thu thập tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xét thấy cấp sơ thẩm xác định thiếu quan hệ tranh chấp. Cụ thể: Nguyên đơn chị Bùi Thị K yêu cầu chia di sản thừa kế do cha của chị là ông Bùi Văn K1 chết để lại. Tuy nhiên, theo hồ sơ thể hiện khi còn sống ông K1 có chuyển nhượng một phần đất cho ông Bùi Văn H1 và ông Bùi Văn H3. Ông H1 và ông H3 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với phần đất đã chuyển nhượng cho ông H3 thì các đương sự thống nhất, không có yêu cầu chia. Đối với phần chuyển nhượng cho ông H1 thì nguyên đơn không thống nhất. Mặc dù ông H1 không nộp tạm ứng án phí cho yêu cầu độc lập của ông, nhưng để giải quyết triệt để vụ án, trước khi xác định chia di sản thừa kế thì cần phải làm rõ tài sản có và tài sản nợ nên cần phải xem xét đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Hiền; Lúc ông K1 còn sống có cùng bà Ph vay của Ngân hàng chính sách xã hội và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V huyện C, quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm có xử lý các khoản nợ này nhưng không xác định thêm hợp đồng vay tài sản là có thiếu sót, vì đây là các mối quan hệ không thể tách rời trong vụ án. Do vậy, cần phải xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về thừa kế tài sản, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản mới phù hợp.

[2] Về đưa thiếu người tham gia tố tụng:

Quá trình tiền tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng chính sách xã hội V, ông Bùi Văn H3, bà Phan Thị Th1 (là vợ trước của ông K1) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.1] Theo trình bày của bị đơn thì khi ông K1 còn sống có vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội V nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng chính sách xã hội V tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ nghĩa vụ về nợ của người chết cho người nhận di sản thừa kế là thiếu sót.

[2.2] Đối với ông Bùi Văn H3 mặc dù không có yêu cầu gì trong vụ án, các

đương sự cũng không yêu cầu phần đất đã chuyển nhượng cho ông H3. Tuy nhiên, quá trình tiền tố tụng vẫn cần thiết đưa ông H3 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để ghi nhận ý kiến và lãm rõ tình tiết trong vụ án, đảm bảo quyền lợi cho đương sự.

[2.3] Đối với bà Phan Thị Th1, Tòa án cấp sơ thẩm có tiến hành lấy lời khai của bà Th1 nhưng không đưa bà Th1 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Bà Th1 trình bày, thời điểm sống chung với ông K1 được cha mẹ chồng cho 05 công đất ruộng tầm 3m và 700m^2 để cất nhà ở, phần của bà thì bà để lại cho ông K1. Như vậy, cần phải làm rõ có việc ông K1 và bà Th1 được cho phần tài sản như bà Th1 trình bày trước khi ông K1 chung sống với bà Ph không để xác định di sản của ông K1 trong khối tài sản chung với bà Ph.

[2.4] Ngoài ra, Đối với ông Ng là người chuyển nhượng đất cho bà Ph diện tích 4545m^2 như bà Ph trình bày là tài sản riêng của bà.

Đối với tờ giấy sang đất ngày 09/4/2015 cho ông Bùi Văn H1 có chữ ký của ông Bùi Văn K1 và trưởng ấp Lê Văn Ng1 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Ngvà ông Ng1 tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng là thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm.

[3] Về nội dung:

[3.1] Đối với phần đất chia thừa kế, theo lời khai của bà Phan Thị Th1 tại bút lục số 96 "…thời điểm sống chung với ông K1 được cha mẹ chồng cho 05 công đất ruộng tầm 3m và 700m^2 để cất nhà ở….phần của bà thì bà để lại cho ông K1…". Cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ có việc tặng cho đất như bà Th1 trình bày để xác định chính xác tài sản của ông K1 chết để lại là chưa đảm bảo quyền lợi cho đương sự.

[3.2] Việc Tòa án cấp sơ thẩm tách phần yêu cầu của ông Bùi Văn H1 đối với phần đất đã nhận chuyển nhượng 1.300m^2 và phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn S ra giải quyết thành vụ kiện khác. Trong khi theo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm thì đã quy phần diện tích đất tranh chấp này ra thành giá trị và chia đều cho các hàng thừa kế là chưa đúng, làm mất quyền khởi kiện của các đương sự, do đã được chia thừa kế cho các hàng thừa kế rồi.

[3.3] Theo hồ sơ thể hiện, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tiến hành đi đo đạc, thẩm định tài sản tranh chấp vào ngày 30/6/2021 thì đương sự không hợp tác và sau đó Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thẩm định thêm lần nào là chưa làm hết khả năng. Tòa án lấy lý do bị đơn không hợp tác không đo đạc, thẩm định để giải quyết chưa triệt để vụ án là chưa thuyết phục.

[3.4] Mặt khác, khi phân chia di sản thừa kế cần thiết phải trừ diện tích nền mộ, diện tích mở lối đi vào nền mộ để phục vụ cho việc thờ cúng chung cho các đồng thừa kế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải thích, không xem xét vấn đề này, ngoài ra tại phiên tòa phúc thẩm anh Kh (người đại diện bị đơn) cho rằng, anh cùng vợ Bùi Thị Ph1 được ông K1, bà Ph cho phần đất 105m^2 đã cất mái ấm công đoàn, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm chưa làm rõ. Do đó, việc giải quyết vụ án là chưa triệt để.

Do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định chung. Đối với kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử chưa xem xét, giải quyết.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp nên được hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm: Chưa ai phải chịu.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu. Bà Nguyễn Thị Ph là người kháng cáo nhưng do là người cao tuổi, được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên không phải nhận lại tiền tạm ứng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện C xét xử lại theo thủ tục chung.

Chi phí tố tụng chưa ai phải chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm chưa ai phải chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm không ai phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 28 tháng 02 năm 2022.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H.C;
- Chi cục THADS H. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Quốc Tuấn